

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ VÕ  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HSST

Ngày 21/12/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Thực; Ông Nguyễn Thế Sách.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Võ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa:** Ông Phùng Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 07/12/2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1992. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT: Xóm 10, xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12. Là con ông Nguyễn Văn Thích và bà Nguyễn Thị Thịnh. Gia đình bị cáo có 3 anh em, bị cáo là thứ hai. Vợ: Phan Thị Ngân, sinh năm 1992. Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án: Tại bản án số 07/2019/HSST ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, Khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 25/9/2019. Tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 10/9/2020 đến ngày 19/9/2020 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

**2. Nông Văn K**, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. HKTT: Thôn Tây B, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Nùng. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12. Là con ông Nông Văn Thùng và bà Lộc Thị Tươi. Gia đình bị cáo có 3 chị em, bị cáo là thứ ba. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 10/2011/HSST ngày 29/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội “ Cướp tài sản” theo Khoản 1, Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong bản án ngày 15/5/2014. Bị tạm giữ từ ngày 10/9/2020 đến ngày 19/9/2020 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

**- Bị hại:** Trương Văn N, sinh năm 1999.

HKTT: Xóm Xiêm, xã Hạ Sơn, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 09/9/2020, bị cáo K điều khiển xe mô tô Honda Dream, không có biển kiểm soát từ nhà trọ của K tại thôn Do Nha, xã P Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đến thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chơi. Khi đi đến khu vực công viên thị xã Từ Sơn thì gặp bị cáo Đ là bạn quen biết ngoài xã hội. Tại đây, do không có tiền tiêu sài cá nhân, Đ rủ K đi trộm cắp tài sản, K đồng ý. Sau đó K điều khiển xe mô tô của K đèo Đ đi quanh thị xã Từ Sơn nhưng không phát hiện ai sơ hở tài sản để trộm cắp. Trên đường đi Đ hỏi K “Dưới chỗ mầy có xe không”, ý Đ hỏi ở khu phòng trọ của K có xe mô tô sơ hở không để trộm cắp, K nói “Nhiều xe ngon nhưng dạo này mất trộm nhiều toàn khóa chữ U thôi”, Đ nói “Cứ xuống xem thế nào, lấy được thì lấy”, K đồng ý. Trên đường đi, Đ bảo K quay lại công viên thị xã Từ Sơn để lấy vạm phá khóa, đến công viên Đ một mình đi vào trong công viên lấy 01 vạm phá khóa bằng kim loại màu nâu một đầu dẹt 02 cạnh, một đầu hình lục giác; 01 cờ lê 8 bằng kim loại màu trắng một đầu hình chữ U, một đầu hình lục giác đút vào túi quần rồi đi ra gặp K. Đ khai những công cụ này là của Quân là bạn quen biết ngoài xã hội của Đ cất giấu tại đó. Sau đó K điều khiển xe mô tô đèo Đ về khu nhà trọ của K để trộm cắp tài sản. Khi đến cổng khu trọ của K, lúc này khoảng 11 giờ 30 phút, K bảo Đ ở ngoài đợi để K vào xem có xe mô tô nào không, Đ đồng ý. K đi xe mô tô vào khu vực để xe tại hành lang tầng 1 cất xe, rồi đi kiểm tra các xe mô tô thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 37H1 - 338.04 của anh N và 01 xe mô tô khác để ở ngoài cùng gần cổng ra vào không khóa cổ, khóa càng. Kiểm tra xong, K đi lên phòng của K để tránh mọi người nghi ngờ. Khoảng 10 phút sau, Đ gọi điện thoại cho K nói “Tình hình thế nào”, K nói “Không có ai, vào đi, xe ngoài cùng và thứ hai không khóa đầu”. Đ đi vào khu vực hành lang để xe thấy không có ai ở đó, Đ tiến lại chiếc xe mô tô của anh N tra đầu vạm phá khóa vào ổ khóa điện của chiếc xe, rồi dùng cờ lê đầu vào đầu vạm còn lại vặn mạnh theo chiều kim đồng hồ thì mở được khóa điện của xe. Đ đút vạm phá khóa và cờ lê vào túi quần rồi dắt xe ra ngoài cổng, ngồi lên xe, nổ máy đi về thị xã Từ Sơn. Trên đường đi Đ gọi điện thoại cho K báo đã lấy được xe và bảo K về thị xã Từ Sơn chơi, K đồng ý. Sau khi lấy được xe mô tô Đ đi xe về khu vực công viên thị xã Từ Sơn gặp và nhờ Quân là bạn quen biết ngoài xã hội bán xe, Quân đồng ý rồi điều khiển xe mô tô đi khoảng 15 phút quay lại đưa cho Đ số tiền 1.800.000 đồng. Số tiền này Đ và K cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 10/9/2020 Đ và K đến Công an huyện Quế Võ đầu thú và giao nộp:

+ Đ giao nộp: 01 vạm bằng kim loại màu nâu dài 06 cm, một đầu dẹt 02 cạnh, một đầu hình lục giác; 01 cờ lê 8 bằng kim loại màu trắng dài 11 cm, một đầu hình chữ U, một

đầu hình lục giác; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IteL màu đỏ, số Imel: 358625105511689 đã qua sử dụng.

+ K giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen, số Imel 354311/04/876686/2 đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự hình sự huyện Quế Võ kết luận: *Giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Siruus BKS 37H1 - 338.04, màu xám đen, số khung 3240JK220583, số máy E3X9E591436 mua mới tháng 01/2019, đã qua sử dụng là 12.000.000 đồng.*

Quá trình điều tra anh N giao nộp 01 USB màu ghi bên trong chứa đoạn video ghi lại hình ảnh các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp xe máy của anh.

*Về trách nhiệm dân sự:*

Do tài sản chưa thu hồi được nên anh N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000 đồng giá trị xe theo định giá của Hội đồng định giá. Tại phiên tòa, sau khi được bị cáo K tác động, gia đình bị cáo K đã bồi thường cho anh N số tiền 6.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ xin chịu trách nhiệm trả cho anh N.

*Liên quan trong vụ án này còn có:*

Đối với người tên Quân đã bán hộ xe mô tô trộm cắp cho Đ. Đ không biết họ tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc xe mô tô Đ và K sử dụng làm P tiện đi trộm cắp tài sản. K khai mua của một người đàn ông không quen biết, khi mua không làm giấy tờ mua bán, chỉ nhớ là xe mô tô Honda Dream, còn biển kiểm soát, số máy, số khung, K không nhớ. Ngày 10/9/2020, khi ra thị xã Từ Sơn chơi, K cho P là bạn quen biết ngoài xã hội mượn, P chưa trả lại xe. K không biết tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ cụ thể của P ở đâu. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra Đ và K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số 150/CT-VKSQV ngày 20/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Nguyễn Văn Đ và Nông Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu và thừa nhận cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với các bị cáo. Khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nông Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điểm h, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt: Nguyễn Văn Đ từ 15 đến 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/9/2020.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt: Nông Văn K từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/9/2020.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 587, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Đ và K phải liên đới bồi thường cho anh N giá trị chiếc xe máy là 12.000.000đ, trong đó trách nhiệm của mỗi bị cáo phải bồi thường 6.000.000đ. Xác nhận tại phiên tòa gia đình bị cáo K đã bồi thường cho anh N 6.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh N.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa; 01 cờ lê 8 bằng kim loại; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động của Đ và K.

Các bị cáo không có ý kiến gì với luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận và bào chữa gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Võ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm; biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, sơ đồ hiện trường, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, 01 USB do anh N giao nộp bên trong chứa đoạn video ghi lại hình ảnh các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp, cũng như lời khai của bị hại, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định được:

Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 09/9/2020, bị cáo Đ và K sau khi rủ nhau đi trộm cắp, K đã đưa Đ về khu nhà trọ của mình, K vào trước để xem có xe mô tô nào để không khóa. Sau khi thấy có xe để không khóa, K lên phòng trọ của mình để tránh bị nghi ngờ, sau đó K đã báo cho Đ vào trộm cắp. Đ đã lén lút vào khu để xe tại tầng 1 khu nhà trọ của anh Nguyễn Văn Huyền ở thôn Do Nha, xã P Liễn huyện Quế Võ, tỉnh

Bắc Ninh chiếm đoạt 01 xe mô tô Yamaha Sirius BKS 37H1 - 338.04, màu xám đen trị giá 12.000.000 đồng của anh Trương Văn N. Chiếc xe mô tô trên Đ đi về thị xã Từ Sơn và nhờ Quân là bạn quen biết ngoài xã hội bán được số tiền 1.800.000 đồng, số tiền này Đ và K đã cùng ăn tiêu hết. Hiện chiếc xe chưa thu hồi được.

Do đó đã có đủ các yếu tố để kết luận các bị cáo Đ và K phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa P.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tuy có sự thống nhất với nhau từ trước khi phạm tội, nhưng không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, cấu kết không chặt chẽ với nhau, nên không phải là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này bị cáo Đ là người giữ vai trò chính trong vụ án, Đ rủ K đi trộm cắp, chuẩn bị công cụ phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và mang tài sản đi tiêu thụ. Còn bị cáo K là người giữ vai trò đồng phạm giúp sức Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nên cần phải có một mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s- khoản 1 Điều 51 và Khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, sau khi được bị cáo K tác động, gia đình bị cáo K đã tự nguyện bồi thường cho anh N số tiền 6.000.000đ, anh N đã nhận đủ số tiền này và xin giảm nhẹ hình phạt cho K. Nên K được hưởng thêm 2 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 51 và áp dụng Khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đ phạm tội khi đang có 01 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Tái phạm*" quy định tại điểm h, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự bằng một hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hậu quả tội phạm mà các bị cáo gây ra cho xã hội. Xét các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo Đ có 01 tiền án. Nên phải cách ly các bị cáo một thời gian mới đủ để trừng trị và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung tội phạm. Cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì các bị cáo kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: Do tang vật vụ án không thu hồi được, nên anh N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe máy là 12.000.000đ theo kết luận của Hội đồng định giá. Tại phiên tòa, sau khi được bị cáo K tác động, gia đình bị cáo K đã tự nguyện bồi thường cho anh N số tiền 6.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh N.

Đối với tang vật chứng của vụ án: Xác định các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa; 01 cờ lê 8 bằng kim loại; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động của Đ và K.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, bị cáo Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nông Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điểm h, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Đ 18 ( Mười tám ) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/9/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Nông Văn K 09 ( Chín ) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/9/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

*Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 587, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nông Văn K phải liên đới bồi thường cho anh Trương Văn N giá trị chiếc xe máy là 12.000.000 đồng, trong đó trách nhiệm của mỗi bị cáo phải bồi thường 6.000.000đ. Xác nhận gia đình bị cáo K đã tự nguyện bồi thường cho anh N số tiền 6.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh N.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IteI màu đỏ của bị cáo Đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen của bị cáo K. Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa, 01 cờ lê 8 bằng kim loại. ( *Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2020 giữa Công an huyện Quế Võ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ*).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đ phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Bắc Ninh;
- VKS, CA, THADS huyện Quế Võ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- VKS, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**Hoàng Ngọc Sơn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Thực**

**Nguyễn Thế Sách**

**Hoàng Ngọc Sơn**

